

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P1+BK8	7:25	9+5+7	0+0+0		1+7+0	0+0+0	
2		VSP02+CLO+JS2	7:25	8+7+7	0+0+0		7+0+10	0+0+0	VSP02 -1 CD VỀ BỜ ĐI CLI 21/2
3		RP3+TD3+P4	9:25	4+4+13	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYẾN 2 RP3- P4
4		JS2+RP2+GTCL+VSP01	9:25	16+0+6	0+0+0		14+1+6	0+0+0	NGUOI NHA GTCL MAT
5		P10+P8+TD5	11:25	5+17+0	0+0+0		1+5+4	0+0+0	CHUYẾN 4 P10- P8

TTBDSX

1 CD VSP02 VỀ BỜ ĐI CLI NGÀY 21/2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: TD1 - P1 - BK8	CREW: Khang - Duong - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD1	99	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HÙNG	TD1	54	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ XUÂN THẮNG	TD1	55-56	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD1	57-58	2	17		67	BAKER HU	Vietnamese
5	KIEU TUẤN ANH	TD1	50	1	7		85	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	68	1	5		82	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾP	TD1	51	1	15		75	DVL	Vietnamese
8	BUI HUY BĂNG	TD1	52	1	12		67	DVL	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P1	67	1	5		74	PSV	Vietnamese
10	PHAN TRỌNG MINH	P1	70	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	71	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	PHẠM PHU BÌNH	P1	69	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	LÊ TUNG LAM	P1	68	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC QUANG	BK8	84-86	3	17		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	BK8	96-97	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN BĂNG	BK8	83	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG XUAN KIEN	BK8	89-90	2	17	40	65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH HIẾU	BK8	91	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM THE TRUONG	BK8	87-88	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀN TRỊCH GIANG	BK8	92-93	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

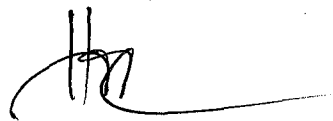
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	90	601	0	1		
2	P1	5	5	25	322	0	7		
3	BK8	7	13	112	478	40	0		
TOTAL		20	28	227	1.401	40	8		
WEIGHT KG				227	1.401	40			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: VSP02 - CLO - JS2	CREW: VThắng - CHIẾN - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

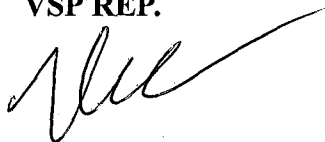
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NGOC AN	VSP02	71-72	2	11		60	D-HANH	Vietnamese
2	HA THANH SANG	VSP02	73	1	18		65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DUC THANG	VSP02	68	1	6		100	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN HONG DUC	VSP02	69	1	4		58	PSV	Vietnamese
5	HAN VAN HIEU	VSP02	75	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	VU HONG OANH	VSP02	500	1	5		71	PSV	Vietnamese
7	LUONG MANH GIANG	VSP02	70	1	7	40	65	PSV	Vietnamese
8	LE VAN CHI	VSP02	74	1	3		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VU QUOC	CLO	22	1	9		68	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG DUNG	CLO	30	1	8		74	DVL	Vietnamese
11	LUU DINH TRONG	CLO	29	1	17	30	78	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG	CLO	26	1	15		75	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HA	CLO	23	1	13		71	DVL	Vietnamese
14	TRAN VAN THUAT	CLO	24	1	14		71	DVL	Vietnamese
15	NHAM DUC TUAN	CLO	25	1	11		72	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC LE	JS2	82	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG TRONG TUAN DAT	JS2	80	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	MESHKOV M.Y	JS2	89	1	13	11	80	KHOAN	Russian
19	DO NGOC DUYEN	JS2	87	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TU DO	JS2	59	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
21	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	84	1	8		88	KHOAN	Indian
22	PHAM DOAN HUNG	JS2	86	1	5		53	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	8	9	59	554	40	7		
2	CLO	7	7	87	509	30	0		
3	JS2	7	7	71	499	11	11		
TOTAL		22	23	217	1.562	81	18		
WEIGHT KG				217	1.562	81			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: JS2 - RP2 - GTC1 - VSP01	CREW: VThắng - CHIẾN - NNam	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO LE DUY TAN	JS2	48	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
2	VO TA MAU	JS2	53	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DUC	JS2	99	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	JS2	51	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH CHUNG	JS2	01	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MANH HUNG	JS2	58	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
7	DANG QUOC THAI	JS2	67	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG QUOC VIET	JS2	43	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
9	LE QUYET THANG	JS2	40,44	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
10	LE HOANG ANH	JS2	68	1	5		45	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH VUONG	JS2	96	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
12	LE MANH HUNG	JS2	42	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN XUAN LONG	JS2	93	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	TONG VAN DAT	JS2	52	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN HUY	JS2	57	1	15	6	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TAM	JS2	53	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	VSP01	71	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHAN	VSP01	72	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	VU VAN DIEP	VSP01	69	1	3	35	67	PSV	Vietnamese
20	DO DUC CHI	VSP01	70	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	DUONG BA HUNG	VSP01					76	PSV	Vietnamese
22	HA THE BINH	VSP01	68	1	3		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	16	17	122	1.105	6	13		
2	RP2	0	0	0	0	35	2		
3	GTC1	0	0	0	0	0	1		
4	VSP01	6	5	18	409	35	6		
TOTAL		22	22	140	1.514	76	22		
WEIGHT KG				140	1.514	76			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	TO: P10 - P8 - TD5	CREW: Khang - Duong - Huy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH QUỐC	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI CONG TRINH	P10	28	1	15	10	64	PVE	Vietnamese
3	PHAM HUY TAN	P10	30	1	8		57	PVE	Vietnamese
4	TRAB VAN MANH	P10	26-27	2	8		70	PVE	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	P10	31	1	8		64	PVE	Vietnamese
6	OVCHARENKO	P8	02	1	5		84	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN ĐỨC HAO	P8	07-08	2	19		74	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HUNG	P8	17	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM QUANG CHUNG	P8	03	1	18		48	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HẬU HAI	P8	09-10	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG DUY DUNG	P8	05-06	2	10		64	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN DUÂN	P8	15-16	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	P8	01	1	8	40	60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN NINH	P8	11-12	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TUYẾN	P8	14	1	17		91	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P8	04	1	12		86	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC TÂN	P8	13	1	14		67	T-TIN	Vietnamese
18	LƯU QUÝ TRUNG	P8	21	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TUE	P8	18	1	5		10	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	22	1	5		52	PSV	Vietnamese
21	ĐÀU CÔNG SAU	P8	20	1	5		81	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN DUONG	P8	19	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	5	39	327	10	1	4	CHUYEN 4 PAX P10 SANG P8
2	P8	17	22	180	1.101	40	5		
3	TD5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	27	219	1.428	50	10		
WEIGHT KG				219	1.428	50			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+BK9+CTK3	7:25	12+0+10	0+0+0		5+1+15	0+0+0	CHUYỂN 2 BK9-CTK3
2		P10+PPD+TD5	7:25	6+16+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
3		BK5+BK3+AMD	7:25	1+1+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		T.UNG	7:30	19	0		19	0	
5		CLI+RP1	9:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
6		CTK3+RC6+RC4	9:25	17+0+5	0+0+0		15+1+2	0+0+0	CHUYỂN 1 RC6-RC4
7		RP3+RP2+PPD	9:25	9+0+13	0+0+0		8+0+14	0+0+0	CHUYỂN 1 RP3-RP2
8		CLI+BK16	11:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
9		P9+P5+AMD	11:25	5+2+12	0+0+0		6+2+13	0+0+0	
10		GTCL+RC3+TD3	11:25	7+11+2	0+0+0		6+9+6	0+0+0	
11		P4+P2+CTK3	13:25	10+7+4	0+0+0		5+9+5	0+0+0	CHUYỂN 2 P4-CTK3

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ĐI VỀ TRONG NGÀY BK16-4NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK16 - BK9 - CTK3	CREW: TUYỀN - Thanh - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	BK16					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	BK16	72	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN NGOC QUYẾT	BK16					75	NIPI	Vietnamese
4	BUI ĐÌNH PHI	BK16					65	NIPI	Vietnamese
5	PHAM NGOC SON	BK16	79-80	2	17		65	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	74	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN HA	BK16	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK16	73	1	5	30	50	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRƯỜNG AN	BK16	57	1	5	17	85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN HUNG	BK16	81	1	7		70	NIPI	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CHIÊN	BK16	70	1	4		80	PSV	Vietnamese
12	BUI SONG TOÀN	BK16	71	1	5		75	DK9	Vietnamese
13	PHẠM THANH HAI	CTK3	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	50	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN MINH	CTK3	47	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	51	1	5	60	72	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

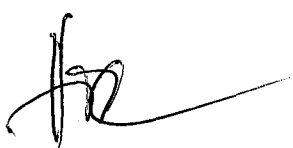
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	12	10	56	865	47	5		CHUYỂN 02 PAX TỪ BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	0	1	2	
3	CTK3	10	10	52	684	60	15		
TOTAL		22	20	108	1.549	107	21		
WEIGHT KG				108	1.549	107			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

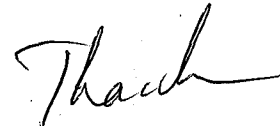
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P10 - PPD - TD5	CREW: Phong - XHOÀN - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT LY	P10	28	1	6		78	PSV	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	P10	25	1	5	20	79	PSV	Vietnamese
3	LÊ VIỆT KHANG	P10	27	1	8		69	PSV	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	26	1	5		69	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN SƠN LÂM	P10	07-08	2	15		73	PVE	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	24	1	6		58	PVE	Vietnamese
7	GALLIAMOV	PPD	02	1	8		77	KH-THAC	Russian
8	LÊ NGỌC SƠN	PPD	05-06	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀI VŨ	PPD	01	1	5	80	65	D-HANH	Vietnamese
10	PHẦN VĂN THẮNG	PPD	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	20-21	2	11	100	80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUÝ	PPD	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	14	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ MẠU MẾN	PPD	13	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	10-11	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HAI	PPD	07	1	13		93	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	03	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HAI	PPD	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	04	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH QUANG	PPD	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	15	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	6	7	45	426	20	4		PPD HA CANH P2
2	PPD	16	18	99	1.141	180	12		
3	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	25	144	1.567	200	22		
WEIGHT KG				144	1.567	200			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

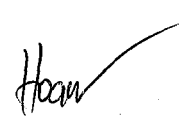
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK5 - BK3 - AMD	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Huy	ETA: 09:20
VANG-01			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KIM	BK5	38-39	2	19	35	57	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH PHONG	BK3	82	1	8	35	75	KH-THAC	Vietnamese
3	THAN CANH THINH	AMD	20-21	2	16	30	74	TLJOC	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	07	1	6		65	VSP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THÌN	AMD	39	1	9		67	VSP	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	05	1	4		70	VSP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	06	1	5		72	VSP	Vietnamese
8	ĐẠO CÔNG BÌNH	AMD	03-04	2	8		75	VSP	Vietnamese
9	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	08	1	3		63	VSP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	12	1	7		87	VSP	Vietnamese
11	VU XUÂN ĐỨC	AMD	02	1	6		70	VSP	Vietnamese
12	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	01	1	5		88	VSP	Vietnamese
13	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	10	1	5		66	VSP	Vietnamese
14	HOÀNG ANH SƠN	AMD	14-15	2	10		61	VSP	Vietnamese
15	ĐOÀN TÂN TRÍ	AMD	09	1	6		70	VSP	Vietnamese
16	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	22-23	2	15		67	VSP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRAI	AMD	19	1	13		65	VSP	Vietnamese
18	DƯƠNG MẠNH PHÚ	AMD	18	1	9		78	VSP	Vietnamese
19	NGÔ TRI HUNG	AMD	17	1	8		60	VSP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	11	1	9		65	PSV	Vietnamese
21	ĐINH CÔNG HOÀNG	AMD	16	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	13	1	3		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	1	2	19	57	35	0		
2	BK3	1	1	8	75	35	1		
3	AMD	20	24	152	1.392	30	21		
TOTAL		22	27	179	1.524	100	22		
WEIGHT KG				179	1.524	100			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:32
FLIGHT: 4	TO: T.UNG	CREW: Toàn - CHIẾN	ETA: 10:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG					68	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIẾU	T.UNG	55	1	7		70	PVD	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	50	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	46	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THANH	T.UNG					80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	57	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHIẾN THẮNG	T.UNG	44	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	58	1	5	40	73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	49	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẠC	T.UNG	42-43	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIẾU	T.UNG	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DIỆP XUÂN PHONG	T.UNG	47	1	9		69	NIPI	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH KHOAN	T.UNG	51-52	2	15		55	NIPI	Vietnamese
14	TRẦN DUY HAI	T.UNG	56	1	12		67	NIPI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HOÀ	T.UNG					71	PSV	Vietnamese
16	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	41	1	2		53	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	45	1	3		62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	53-54	2	10		60	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	59	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	98	1.268	40	19		
	TOTAL	19	19	98	1.268	40	19		
	WEIGHT KG			98	1.268	40			

GRAND TOAL: 1.406 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: CLI - RP1	CREW: TUYỀN - Thanh - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	53	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	KHOROSHENKOV	CLI	68	1	5	60	81	KH-THAC	Russian
3	CHERNYSHEV	CLI	66	1	5		118	KH-THAC	Russian
4	DOKUCHAEV	CLI	67	1	8		104	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN HẰNG HAI	CLI	61	1	14		85	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI NGỌC THIẾT	CLI	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH VIỆT	CLI					79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	54-55	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ MINH TIẾN	CLI	64	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH TRỌNG KIM	CLI	60	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC NGHI	CLI	52	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN ĐOÀN	CLI	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM KHÁNH	CLI	57-58	2	20		87	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	62-63	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH LONG	CLI	65	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	59	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	55	1	6		81	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG TRUNG KIẾN	RP1	81	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	53	1	10	60	64	PSV	Vietnamese
20	PHẠM THÈ THUẬN	RP1	51-52	2	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHAN	RP1	54	1	8		72	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN THỊNH	RP1	85	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	16	18	132	1.224	60	15		
2	RP1	6	7	39	415	60	7		
TOTAL		22	25	171	1.639	120	22		
WEIGHT KG				171	1.639	120			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - RC6 - RC4	CREW: Phong - XHOÀN - Toan	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	59	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	200	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC ANH	CTK3	99	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC HIẾU	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HIẾU	CTK3	60	1	5	15	60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN THAI	CTK3					73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN DAN	CTK3	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	68	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	65-66	2	15	15	88	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	70	1	20		57	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN MINH	CTK3	69	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TÂN	CTK3	61-62	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH KHOAT	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	01	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	64	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	RC4	02	1	10	50	78	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN TÂM	RC4	04	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
20	VU ĐỨC SANG	RC4	05	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TÂN PHONG	RC4	01	1	20		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CHÍ CUÔNG	RC4	03	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

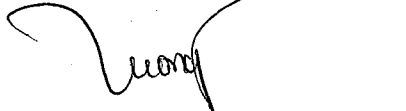
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	15	121	1.194	30	15		CHUYỂN 1 PAX RC6 SANG RC4
2	RC6	0	0	0	0	65	1	1	
3	RC4	5	5	61	332	50	2		
TOTAL		22	20	182	1.526	145	18		
WEIGHT KG				182	1.526	145			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: RP3 - RP2 - P2	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Huy	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO MINH CƯỜNG	RP3	78	1	8		90	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	RP3	69	1	8		85	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	73	1	3	55	63	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	75	1	3		70	PSV	Vietnamese
6	TRẦN THANH HAI	RP3	74	1	3		60	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	70-71	2	18		55	PSV	Vietnamese
8	MAI VĂN HÙNG	RP3	77	1	3		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HIỆU	RP3	72	1	3		58	PSV	Vietnamese
10	TÔ HIỀN THANH	P2	65	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	P2	68	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN BA	P2	62	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NHAN	P2	67	1	8	85	72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC DU	P2	64	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HAI	P2	63	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHUÔNG	P2	72-73	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P2	58	1	7		75	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	P2	60	1	5		75	NIPI	Vietnamese
20	PIVNHIK	P2	61	1	5		100	NIPI	Russian
21	TRẦN MẬU SƠN	P2	59	1	4		75	PSV	Vietnamese
22	TRẦN MINH THUẬN	P2	66	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	10	54	606	55	8	1	CHUYỂN 1 PAX RP3 SANG RP2
2	RP2	0	0	0	0	0	0		
3	P2	13	13	60	955	85	14		
TOTAL		22	23	114	1.561	140	22		
WEIGHT KG				114	1.561	140			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	TO: CLI - BK16	CREW: TTrung - Hồi - Vũ	ETA: 13:30
XANH--3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN NHAN	CLI	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LAM	CLI	60	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI PHÚC LINH	CLI	64	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	39	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN HOANG	CLI	65	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGUYỄN QUANG	CLI	67	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HOA	CLI	74	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	63	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRỌNG TUÂN	CLI	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	73	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	68	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	40	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN TUYEN	CLI	61	1	10	70	78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHANH	CLI	69-70	2	6		79	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	CLI	47	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	CLI	45,25	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HOANG	CLI	46	1	9		78	CODIEN	Vietnamese
21	BAEV	CLI	41	1	5		85	ANTOAN	Russian
22	PHẠM ĐẠI PHONG	CLI	50	1	5		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

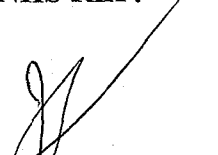
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	24	144	1.565	70	18		
2	BK16	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	24	144	1.565	90	22		
WEIGHT KG				144	1.565	90			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

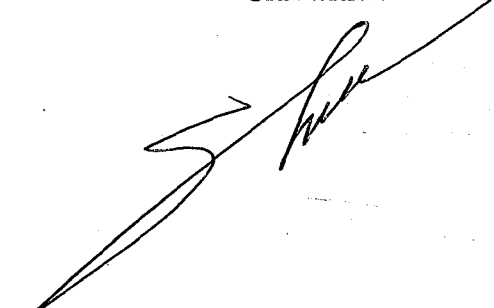
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 9	TO: P9 - P5 - AMD	CREW: Phong - MMinh - NNam	ETA: 13:35
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	902	1	4		56	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	39	1	4		66	PSV	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	89	1	5		57	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NHÂN	P9	40	1	8		66	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	38	1	6		55	PSV	Vietnamese
6	PHẠM VĂN SÁNG	P5	94	1	11	40	70	DVL	Vietnamese
7	VŨ ANH TRỌNG	P5	93	1	12	80	66	DVL	Vietnamese
8	PHAN VĂN HÒA	AMD	33	1	3	10	72	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN THIÊN	AMD	35	1	7		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	26	1	4		55	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	98	1	3		68	PSV	Vietnamese
12	PHẠM TUÂN THANH	AMD	38	1	4		75	PSV	Vietnamese
13	TRẦN CAO TĂNG	AMD	34	1	4		73	PSV	Vietnamese
14	LÊ QUANG VINH	AMD	29-30	2	14		58	CTY HA V	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THƯƠNG	AMD	97	1	7		79	CTY HA V	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HIẾU	AMD	27-28	2	11		53	CTY HA V	Vietnamese
17	BUI SỸ VŨ	AMD	32	1	9		65	CTY HA V	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TUÂN	AMD	31	1	11		68	CTY HA V	Vietnamese
19	PHAN THANH NHỎ	AMD	36-37	2	11		67	CTY HA V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	5	27	300	0	6		
2	P5	2	2	23	136	120	2		
3	AMD	12	15	88	798	10	13		
TOTAL		19	22	138	1.234	130	21		
WEIGHT KG				138	1.234	130			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:02
FLIGHT: 10	TO: GTC1 - RC3 - TD3	CREW: Hạnh - Linh - PTUẤN	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	67	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN SƠN	GTC1	61-62	2	17	50	75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH THĂNG	GTC1	63	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ QUY HOÀNG	GTC1	64	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY TUẤN	GTC1	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	65	1	4		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RC3	27	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN KHÁC SAU	RC3	25	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KIM HƯƠNG	RC3	31-32	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN LẬP	RC3	33	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RC3	38	1	10	35	55	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ HỮU THAI	RC3	36-37	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THỌ	RC3	29-30	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TOÀN	RC3	28	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN NAM	RC3	26	1			56	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN CHUNG	RC3	39-40	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	CÚ CHI CÔNG	RC3	35-36	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	TD3	33	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	TD3	34	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

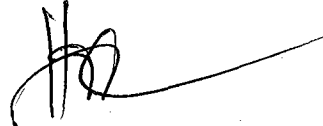
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	7	8	68	482	50	6		
2	RC3	11	16	132	687	35	9		
3	TD3	2	2	19	140	0	6		
TOTAL		20	26	219	1.309	85	21		
WEIGHT KG				219	1.309	85			

GRAND TOAL: 1.613 KGS

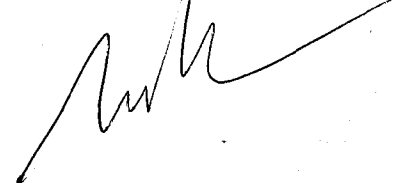
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 11	TO: P4 - P2 - CTK3	CREW: TTrung - Hồi - Vũ	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VŨ TIÊN	P4	62	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM BA HOANG	P4	50-51	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P4	54	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO QUỐC OAI	P4	48-49	2	20	40	83	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VĂN ĐỨC	P4	52-53	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ XUÂN HIỆP	P4	55-56	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P4	60-61	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUANG DƯƠNG	P4	57	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÀ	P4	58-59	2	14		62	PVE	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	80	1	10		60	PSV	Vietnamese
11	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2	79	1	4		60	PSV	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	78	1	3		64	PSV	Vietnamese
13	BUI LONG HUNG	P2	81	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐỨC	P2					52	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG QUỐC LONG	P2	77	1	7		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI TRUNG	P2				20	65	PSV	Vietnamese
17	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	72	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	74	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THANH HOAT	CTK3	75-76	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN MINH	CTK3	73	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

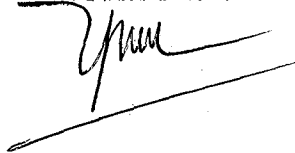
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	15	137	636	40	5+2		CHUYEN 2 PAX P4 SANG CTK3
2	P2	7	5	29	427	20	9		
3	CTK3	4	5	26	274	0	5		
TOTAL		20	25	192	1.337	60	19		
WEIGHT KG				192	1.337	60			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

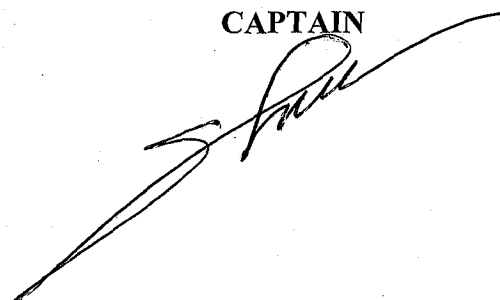
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+P1+TD1	7:25	0+1+16	0+0+0		0+0+17	0+0+0	CHUYẾN 1 P8-P1
2		RC5+RP3+CLO	9:25	1+1+12	0+0+0		0+0+14	0+0+0	THUC PHAM RC5

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P8 - P1 - TD1	CREW: HỒi - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC SƠN	P1	80-81	2	18	50	55	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1	79	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HIẾU	TD1	83	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN NAM	TD1	74	1	10	39	80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1	78	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	LE QUỐC BẢO	TD1	76	1	5	40	60	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
8	KHAERDINOV E.N	TD1	70	1	7		66	KHOAN	Russian
9	VŨ TOÀN THẮNG*PK-PVD	TD1	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	75	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	82	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC QUÂN*TN-PVD	TD1	72-73	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	71	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	84	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN ĐÌNH QUANG	TD1	85-86	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LỘP	TD1	68-69	2	10		64	DMC	Vietnamese
17	PHẠM HOA VIỆT	TD1	80-81	2	5		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	0	0	0	0	0	0	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ P8 SANG P1
2	P1	1	2	18	55	50	0		
3	TD1	16	19	100	1.115	79	17		
TOTAL		17	21	118	1.170	129	17		
WEIGHT KG				118	1.170	129			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	TO: RC5 - RP3 - CLO	CREW: Hôi - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:20

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN HIỀN	RC5	51-52	2	17	75	62	XAYLAP	Vietnamese
2	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	36	1	7	58	65	KH-THAC	Vietnamese
3	KIRICHENKO K.P	CLO	90	1	3		78	KHOAN	Russian
4	LÀ VIỆT HUNG	CLO	27	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	49	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ THÈ NANG	CLO	41	1	3	60	59	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN LY	CLO	35	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	HÀ QUỐC DŨNG*PK-PVD	CLO	36-37	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN LONG	CLO	34	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐÔNG	CLO	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NAM HAI	CLO	39	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG ĐẠI NGHĨA-PK-PVDO	CLO	38	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	CLO	40	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HUNG	CLO	33	1	6		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	1	2	17	62	75	0		
2	RP3	1	1	7	65	58	0		
3	CLO	12	13	62	866	60	14		
TOTAL		14	16	86	993	193	14		
WEIGHT KG				86	993	193			

GRAND TOAL: 1.272 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4-TD2+P2	7:25	17+2	0+0		18+3	0+0	CHO NUOC BK4
2		P5+P6+P3	9:25	16+1+0	0+0+0		15+0+1	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK4 - TD2 - P3	CREW: Nam - XTrường - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2	36	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	LY ANH TUAN	TD2	32	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	CAO DINH THANH	TD2	35	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	TD2	39	1	5	90	78	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN CUONG	TD2	25	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG DINH THANG	TD2	40	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM MINH THANG*PK-PVD	TD2	28-29	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ANH DUC	TD2	27	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
11	DINH CHI CONG	TD2	30	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
12	LE HUU HAU	TD2	33	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG QUOC VIET	TD2	41-42	2	10		86	KHOAN	Vietnamese
14	SUSTANOV	TD2	38	1	10		110	D-HANH	Russian
15	BUI BACH DUONG	TD2	31	1	8		70	DVL	Vietnamese
16	TRAN DAI HUNG	TD2	34	1	10		74	DVL	Vietnamese
17	LUONG NGOC HOANG	TD2	24	1	8		73	DVL	Vietnamese
18	HOANG MANH HUNG	TD2	37	1	5		84	GETRACO	Vietnamese
19	LE TRONG NGUYEN	TD2	26	1	5		62	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	200	0		THAO 2 CHO CHO THUNG NUOC
2	TD2	19	19	127	1.421	90	19		
3	P3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	19	127	1.421	290	20		
WEIGHT KG				127	1.421	290			

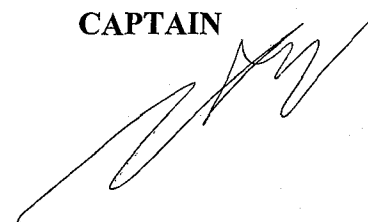
GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	TO: P5 - P6 - P2	CREW: Nam - XTrường - MQUÂN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV D.S	P5	28	1	5		68	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TRỌNG THUY	P5				80	66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HAU	P5	15	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
4	NHAM ĐỨC QUANG	P5	20	1	5	7	75	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM QUANG NGU	P5	21	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
6	NG HUU NAM*PK-PVD	P5	18	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUYNH	P5	24	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE XUAN TUYEN	P5					62	KHOAN	Vietnamese
9	NG XUAN QUANG-PVDT	P5	22	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HUNG	P5	16	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN HOA	P5	19	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	HUYNH TRUNG NGHIA	P5	17	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
13	VÔ VĂN HUNG	P5	23	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MINH DUNG	P5	25-26	2	20	65	82	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TOAN	P5	36	1	6		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TIEN	P6	63-64	2	14	125	62	XAYLAP	Vietnamese
17	TRINH QUOC THANH	P2	84	1	8		95	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN TEO	P2	83	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	14	88	1.061	152	15		THAO 2 GHE CHO THUC PHAM
2	P6	1	2	14	62	125	0		
3	P2	2	2	13	150	0	3		
TOTAL		18	18	115	1.273	277	18		
WEIGHT KG				115	1.273	277			

GRAND TOAL: 1.665 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN